

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3267**/UBND-LĐTBOXH

V/v báo cáo kết quả điều tra, rà soát hộ  
làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp  
và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

Triệu Sơn, ngày 07 tháng 11 năm 2016

**Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa.**

Thực hiện Thông tư số 02/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/3/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn quy trình xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020;

UBND huyện Triệu Sơn đã triển khai điều tra, rà soát trên địa bàn toàn huyện kết quả như sau:

- Tổng số hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình toàn huyện là: 11.565 hộ.

Trong đó:

+ Số hộ làm nông nghiệp là: 11.560 hộ;

+ Số hộ làm lâm nghiệp là: 05 hộ;

- Số hộ là người dân tộc thiểu số là: 966 hộ;

- Số hộ chủ hộ là nữ: 1.237 hộ;

- Hộ có đối tượng bảo trợ xã hội: 669 hộ;

- Hộ có người có công với cách mạng: 437 hộ.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo đề Sở Lao động - Thương binh và Xã hội biết và chỉ đạo. /.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, LĐTBOXH.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Trung**

Mẫu số 5

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP, CẬP NHẬT DANH SÁCH  
HỘ GIA ĐÌNH CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH TRÊN ĐỊA BÀN CẤP  
HUYỆN ĐƯỢC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM  
Y TẾ THEO LUẬT BẢO HIỂM Y TẾ**

*(Kèm theo Công văn số 3267/UBND-LĐTBXH ngày 07/11/2016  
của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)*

Stt	Nội dung tổng hợp	Ghi chú
1	Số hộ gia đình có mức sống trung bình được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo Luật bảo hiểm y tế đầu thời Điểm báo cáo: 11.565 hộ.	
2	Số hộ gia đình có mức sống trung bình được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế được xác nhận trong kỳ báo cáo: 11.565 hộ	
3	Số hộ gia đình có mức sống trung bình được ngân sách nhà nước hỗ trợ bảo hiểm y tế tại thời Điểm báo cáo: 11.565 hộ.	

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)



**Lê Văn Hải**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**  
(Ký tên, đóng dấu)



**Lê Quang Trung**

**TỔNG HỢP DANH SÁCH  
HỘ GIA ĐÌNH LÀM NÔNG NGHIỆP, LÀM NGHIỆP, NGƯ NGHIỆP VÀ ĐIỀM NGHIỆP  
CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH TẠI CẤP HUYỆN**  
(Kèm theo Công văn số **3267**/UBND-LĐTĐXH ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Số TT	Đơn vị	Tổng số hộ	Chia theo nhân khẩu, lao động			Chia theo đối tượng trong hộ				Chia theo lĩnh vực sản xuất nông nghiệp			
			Tổng số khẩu	Tổng số lao động	Trong đó: LĐ làm NN	Hệ có người DTTS	Chủ hộ là nữ	Hộ có đối tượng BTXH	Hộ có người có công	Làm nông nghiệp	Làm lâm nghiệp	Làm ngư nghiệp	Làm diêm nghiệp
1	Thọ Sơn	154	629	439	399	115	12	7	17	154	-	-	-
2	Thọ Bình	526	2.096	1.679	1.630	649	34	40	18	526	-	-	-
3	Thọ Tiến	364	1.366	1.016	992	-	44	12	21	364	-	-	-
4	Hợp Lý	219	884	580	401	-	13	13	32	219	-	-	-
5	Hợp Tiến	301	1.179	839	687	-	35	34	7	301	-	-	-
6	Hợp Thành	574	2.462	1.722	1.632	4	79	23	90	574	-	-	-
7	Triệu Thành	153	548	416	403	11	5	8	10	153	-	-	-
8	Hợp Thắng	865	3.564	2.494	1.943	-	106	54	27	865	-	-	-
9	Minh Sơn	83	318	199	194	1	19	6	2	83	-	-	-
10	Minh Dân	214	881	568	457	-	30	27	19	214	-	-	-
11	Minh Châu	224	974	569	567	-	16	14	11	224	-	-	-
12	Dân Lục	601	2.462	1.662	1.661	-	80	10	7	601	-	-	-
13	Dân Lý	798	3.357	2.065	2.017	7	125	27	16	798	-	-	-
14	Dân Quyền	598	2.465	1.465	1.319	-	57	35	-	598	-	-	-
15	An Nông	554	2.409	1.430	1.080	-	48	35	2	554	-	-	-
16	Vân Sơn	240	946	642	588	-	16	18	13	236	4	-	-
17	Thái Hòa	432	1.541	1.140	917	-	71	13	7	432	-	-	-
18	Tân Ninh	229	938	601	557	2	4	4	5	228	1	-	-
19	Đồng Lợi	120	517	346	325	-	12	4	2	120	-	-	-

Số TT	Đơn vị	Tổng số hộ	Chia theo nhân khẩu, lao động			Chia theo đối tượng trong hộ				Chia theo lĩnh vực sản xuất nông nghiệp			
			Tổng số khẩu	Tổng số lao động	Trong đó: LĐ làm NN	Hộ có người DTTS	Chủ hộ là nữ	Hộ có tương BTXH	Hộ có người có công	Làm nông nghiệp	Làm lâm nghiệp	Làm ngư nghiệp	Làm diêm nghiệp
20	Đông Tiến	83	342	257	209	-	18	12	2	83	-	-	-
21	Đông Thắng	80	276	176	176	-	13	1	-	80	-	-	-
22	Tiến Nông	221	891	693	476	-	16	17	3	221	-	-	-
23	Khuyến Nông	678	2.649	1.924	1.910	-	46	1	-	678	-	-	-
24	Xuân Thịnh	256	1.061	748	643	-	49	11	10	256	-	-	-
25	Xuân Lộc	107	391	283	267	-	16	5	13	107	-	-	-
26	Thọ Dân	319	1.272	921	843	-	24	11	14	319	-	-	-
27	Xuân Thọ	175	724	459	459	-	15	10	3	175	-	-	-
28	Thọ Tân	236	976	585	423	-	34	10	6	236	-	-	-
29	Thọ Ngọc	408	1.781	1.212	1.212	-	41	-	-	408	-	-	-
30	Thọ Cường	89	367	233	232	-	23	14	13	89	-	-	-
31	Thọ Phú	296	1.090	738	555	-	39	22	-	296	-	-	-
32	Thọ Vực	277	1.161	799	789	-	25	29	10	277	-	-	-
33	Thọ Thế	431	1.692	1.165	1.014	-	20	100	38	431	-	-	-
34	Nông Trường	394	1.583	1.083	1.009	2	15	38	14	394	-	-	-
35	Bình Sơn	90	361	269	268	175	7	2	-	90	-	-	-
36	Thị Trấn Triệu Sơn	176	690	443	403	-	30	2	5	176	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>11.565</b>	<b>46.843</b>	<b>31.860</b>	<b>28.657</b>	<b>966</b>	<b>1.237</b>	<b>669</b>	<b>437</b>	<b>11.560</b>	<b>5</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Người lập

(Ký, ghi rõ họ và tên)

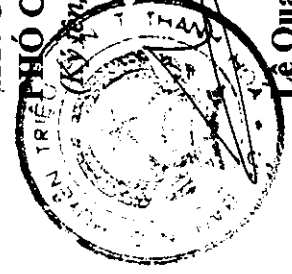


Lê Văn Hải

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)



Lê Quang Trung

photo 10 Jan.

1